

**CÔNG TY TNHH MONAR VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MONAR VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MONAR VIETNAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110056975

**3. Ngày thành lập:** 11/07/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 17, ngõ 47, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0986775507

Fax:

Email: monardesign.vn@gmail.com

Website: monar-design.com

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4610        |
| 2.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br><br>Bán buôn giày dép<br>Bán buôn hàng may mặc<br>Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác<br>Bán buôn vải                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4641(Chính) |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu | 4649        |
| 4.  | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8292        |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các loại mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8299        |
| 6.  | Quảng cáo<br>Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo (loại trừ quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7310        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 7.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;<br>- Dịch vụ thiết kế đồ thị;<br>- Hoạt động trang trí nội thất.                                                                                                                            | 7410 |
| 8.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4690 |
| 9.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4711 |
| 10. | Sản xuất sợi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1311 |
| 11. | Sản xuất vải dệt thoi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1312 |
| 12. | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1313 |
| 13. | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1391 |
| 14. | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1392 |
| 15. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1410 |
| 16. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1430 |
| 17. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1512 |
| 18. | Sản xuất giày, dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1520 |
| 19. | In ấn<br>Chi tiết: In nhãn mác, bao bì<br>(Trừ in tem)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1811 |
| 20. | Dịch vụ liên quan đến in<br>(trừ in tem)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1812 |
| 21. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản theo quy định Luật đấu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4774 |
| 22. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ phụ kiện hàng may mặc như găng tay, bít tất, khăn quang, khẩu trang,...                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4782 |
| 23. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ<br>- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ | 4784 |
| 24. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4789 |

|     |                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 25. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                      | 4791 |
| 26. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                 | 4799 |
| 27. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                               | 4933 |
| 28. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                        | 5210 |
| 29. | Bốc xếp hàng hóa<br>(Trừ bốc xếp hàng hóa cảnh hàng không)                                                                                                                                                              | 5224 |
| 30. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên<br>với khách hàng                                                                                                                                             | 5621 |
| 31. | Dịch vụ ăn uống khác<br>(không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ<br>trường)                                                                                                                            | 5629 |
| 32. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết:<br>- Quán rượu, bia<br>- Quán cà phê, giải khát<br>- Dịch vụ phục vụ đồ uống khác<br>(không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ<br>trường)                          | 5630 |
| 33. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                                                                               | 7729 |
| 34. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa<br>hàng chuyên doanh<br><br>-Bán lẻ vải trong các cửa hàng chuyên doanh<br>-Bán lẻ len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng<br>chuyên doanh | 4751 |
| 35. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây<br>dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                 | 4752 |
| 36. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn<br>trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                          | 4753 |
| 37. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất<br>tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được<br>phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                           | 4759 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 38. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ giày dép trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh | 4771 |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 200.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên         | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức   | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG | Việt Nam  | Thôn Trung, Xã Cao Viên, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam     | 100.000.000           | 50,000    | 001187014831                                                                                            |         |
| 2   | VŨ THỊ HUỆ             | Việt Nam  | Thôn Khe Gôi, Xã Quang Sơn, Thành phố Tam Điệp, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam | 100.000.000           | 50,000    | 037195008759                                                                                            |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: VŨ THỊ HUỆ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/10/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 037195008759

Ngày cấp: 28/06/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Khe Gôi, Xã Quang Sơn, Thành phố Tam Điệp, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Khe Gôi, Xã Quang Sơn, Thành phố Tam Điệp, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội